

Bản án số: 34/2019/DSST

Ngày: 29 /11/2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Kỷ

Bà Vũ Mỹ Thuần

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Nho Bình - Thư ký
Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Bà Phạm Thị Duyên –
kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/DS-TLST ngày 07/01/2019 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXXST-DS ngày 30/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/QĐST-DS ngày 14/11/2019 giữa:

***Nguyên đơn:* Ngân hàng N**

Trụ sở: số A phố L, phường T, quận B, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch hội đồng thành viên; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị H, theo giấy ủy quyền số 699 ngày 30/7/2018 (ông H vắng mặt, bà H có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Văn C – Luật sư Công ty luật TNHH T, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (ông C có mặt).

***Bị đơn:* Ông Hoàng Anh T – sinh năm: 1973.**

Địa chỉ: căn hộ A, chung cư D, số B phố T, phường D, quận C, Hà Nội (ông T vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Bà Lê Thị Nghĩa H – sinh năm: 1980.

ĐKKHKT: căn hộ A, chung cư D, số B phố T, phường D, quận C, Hà Nội (bà H vắng mặt).

2. Công ty cổ phần tòa nhà C

Trụ sở: Tầng A, nhà C, khu đô thị M, đường P, phường M, quận N, Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: ông Tăng Minh V – chức vụ: Giám đốc. Đại diện
theo ủy quyền ông Phạm Minh T – sinh năm 1970, theo giấy ủy quyền số 57 ngày
09/10/2019 (ông T có mặt)

NHẬN THẤY

Ngày 31/7/2018 Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N với nội dung: Buộc ông Hoàng Anh T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 4.000.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn: 665.424.458 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng bảo lưu quyền đòi thêm tiền lãi phát sinh sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi ông T tắt toán khoản vay. Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng văn phòng có diện tích 163,09 m² theo Hợp đồng thế chấp.

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 06/7/2011 ông Hoàng Anh T có lập Giấy đề nghị vay vốn của Ngân hàng N – chi nhánh H. Trên cơ sở này, ngày 07/07/2011 ông T và Ngân hàng N đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD. Số tiền cho vay là 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ đồng chẵn*), với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 22%/năm và thời hạn cho vay là 09 tháng kể từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Mục đích: Trả tiền mua 163,09m² văn phòng tại tầng 24 thuộc dự án Tòa nhà văn phòng A.

Ngay sau khi ký kết Hợp đồng 1450-LAV-201100211/HĐTD, Ngân hàng N đã thực hiện giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng (*bốn tỷ đồng chẵn*) theo như thỏa thuận giữa các Bên.

Để đảm bảo cho số tiền vay trong Hợp đồng tín dụng, ông T đã ký với Ngân hàng N hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1450-LAV-201100182 vào ngày 06/07/2011. Theo đó tài sản thế chấp là 163,09 m² văn phòng theo Hợp đồng mua bán số 6869/CVCTW được ký giữa ông T và Công ty cổ phần tòa nhà C ngày 12/05/2011, của Dự án Tòa nhà văn phòng A tại lô đất HH3-2 Khu Đô thị M, xã M, đường P, huyện T, Hà Nội được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, Cũng tại Hợp đồng thế chấp, các Bên có thỏa thuận và thống nhất Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ khi: ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ với Ngân hàng N, bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng N hoặc (ii) trường hợp khác quy định tại khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng thế chấp. Tài sản thế chấp đã được Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/03/2014 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội và đã được cấp chứng nhận

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N đã nhiều lần đôn đốc, thông báo nợ quá hạn, nhưng Ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Vì vậy Ngân hàng N khởi kiện, đề nghị Tòa buộc ông Hoàng Anh T phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ tiền gốc và lãi tiền vay cụ thể là:

- Ngân hàng N yêu cầu ông Hoàng Anh T trả nợ gốc và lãi trong hạn từ thời điểm vay đến thời điểm hết hạn của hợp đồng tín dụng cụ thể là ngày 07/07/2011 đến 08/4/2012 cụ thể là: 4.665.424.658 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn : 665.424.458 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng bảo lưu quyền đòi thêm tiền lãi phát sinh sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi ông T tất toán khoản vay.

- Ngày 25/10/2019 Ngân hàng có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện chỉ đề nghị Tòa án buộc ông T thanh toán nợ gốc và lãi. Không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm vì hai bên đã thỏa thuận bàn giao tài sản để Ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ ông Hoàng Anh T trình bày:

- Ông T thừa nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng, quá trình vay, trả nợ giữa ông T và Ngân hàng như đại diện Ngân hàng N trình bày là đúng. Ông T xác nhận tính đến ngày 08/4/2012 số tiền ông còn nợ Ngân hàng N bao gồm nợ gốc và nợ lãi là 4.665.424.658 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 665.424.458 đồng;

Do điều kiện kinh tế của ông T hiện đang gặp nhiều khó khăn nên việc trả nợ Ngân hàng N là không thể thực hiện được. Do vậy ông T đồng ý thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng sau khi có Quyết định có hiệu lực của Tòa án hoặc đề nghị Ngân hàng N xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ.

- Về việc bà Lê Thị Nghĩa H (vợ ông T) hiện nay bà đang ở đâu và làm gì ông T không hề hay biết. Khi Ngân hàng yêu cầu thanh toán và khi Tòa án yêu cầu ông T cũng đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có kết quả. Nay ông T đề nghị: Việc ký hợp đồng giữa tôi với Ngân hàng là do 1 mình ông T ký, bà H không liên quan đến vấn đề tài chính trong vụ án này nên ông T đề nghị Tòa án để 1 mình tôi chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng.

- Hiện nay HKTT của ông T là ở phường D, quận C, nhưng do hiện tại ông T đang thường xuyên phải làm việc xa nhà nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi. Toàn bộ nội dung của vụ án như tôi đã trình bày trên tôi cam đoan là đúng và xin chịu trách nhiệm về ý kiến của mình, tôi khẳng định hợp đồng tín dụng là do tôi ký với ngân hàng, tôi tự chịu trách nhiệm trả nợ, bà H không liên quan đến vụ việc này. Ông T xin được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án và kể cả khi xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Lê Thị Nghĩa H:

Bà Lê Thị Nghĩa H, có hộ khẩu thường trú tại phường D, quận C. Kết quả xác minh Công an phường D cho biết bà H không có mặt tại địa phương, bà đi đâu Công an phường không biết. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do đó, không có lời khai của

bà Lê Thị Nghĩa H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần tòa nhà C

Ngày 12/05/2011 giữa ông T và Công ty cổ phần tòa nhà C ký Hợp đồng số 6869/CVCTW sau khi ký hợp đồng theo quy định khoản 8.1 điều 8 của hợp đồng có quy định về thời hạn nộp tiền, nhưng đến ngày 27/5/2011 ông T không nộp tiền vào tài khoản của Công ty thì hợp đồng không có hiệu lực.

Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu mà chúng tôi được sao chụp chưa đủ cơ sở để khẳng định Ngân hàng N đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty số tiền 4 tỷ đồng. Sau đó ông T ký hợp đồng thế chấp chúng tôi không được biết. Nay Ngân hàng có yêu cầu khởi kiện chúng tôi đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Việc Ngân hàng xin rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm chúng tôi nhất trí và không có ý kiến gì thêm.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Đối với tài sản thế chấp là 163.09m2 văn phòng theo hợp đồng số 6869/CVCTW được ký giữa ông T và Công ty cổ phần tòa nhà C ngày 12/5/2011, của dự án Tòa nhà văn phòng A tại lô đất HH3-2 Khu đô thị M, xã M, đường P, huyện T, Hà Nội.

- Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/9/2019: Công trình dự án Tòa nhà văn phòng A tại lô đất HH3-2 Khu đô thị M, xã M, đường P, huyện T, Hà Nội đang tạm dừng thi công, lý do tạm dừng không có. Không có đại diện của Công ty cổ phần tòa nhà C nên không xác định được vị trí của tài sản thế chấp. Tòa nhà văn phòng A chưa hoàn thiện.

TẠI PHIÊN TÒA

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng N vẫn yêu cầu khởi kiện ông T về hợp đồng tín dụng.

+ Ngân hàng N chỉ yêu cầu ông Hoàng Anh T trả nợ gốc và lãi trong hạn từ thời điểm vay đến ngày 29/11/2019 là: 4.665.424.658 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 665.424.458 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng bảo lưu quyền đòi thêm tiền lãi phát sinh sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi Ông T tất toán khoản vay.

+ Ngân hàng xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

+ Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn nhất trí như ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày và không bổ sung gì thêm.

- Bị đơn ông T vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

+ Công ty cổ phần tòa nhà C không có ý kiến trình bày gì thêm và nhất trí

việc rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng N.

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA

Tại phiên tòa nguyên đơn Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn và Công ty cổ phần tòa nhà C không trình bày gì thêm trong phần tranh luận.

Đại diện Viện Kiểm Sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Ông Hoàng Anh T có nơi thường trú tại căn hộ A, chung cư D, số B phố T, phường D, quận C, Hà Nội. Vì vậy, khi Ngân hàng N khởi kiện, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã tiến hành đầy đủ các bước theo đúng trình tự quy định. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Ngày 06/7/2011 ông Hoàng Anh T có lập Giấy đề nghị vay vốn của Ngân hàng N – chi nhánh H. Trên cơ sở này, ngày 07/07/2011 ông T và Ngân hàng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD. Số tiền cho vay là 4.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán tiền mua diện tích căn hộ hình thành trong tương lai.

Chấp nhận yêu cầu của ông T và Ngân hàng về việc ông T có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng trên.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng yêu cầu ông T trả nợ số tiền theo yêu cầu của Ngân hàng N và việc Ngân hàng N tự nguyện xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy.

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Ngày 06/7/2011 ông Hoàng Anh T có lập Giấy đề nghị vay vốn của Ngân hàng N - chi nhánh H. Ngày 07/07/2011 ông T và Ngân hàng N ký kết Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD, với số tiền cho vay là 4 tỷ đồng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 22%/năm và thời hạn cho vay là 09 tháng kể từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Mục đích: Trả tiền mua 163.09m² văn phòng tại tầng 24 thuộc dự án Tòa nhà văn phòng A. Ngay sau khi ký kết Hợp đồng 1450-LAV-201100211/HĐTD, Ngân hàng N đã thực hiện giải ngân số tiền 4 tỷ đồng chẵn theo như thỏa thuận giữa các Bên. Như vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Hiện nay, ông Hoàng Anh T thường trú tại căn hộ A, chung cư D, số B phố T, phường D, quận C, Hà Nội. Việc Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N để giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng

- Bị đơn ông Hoàng Anh T có đề nghị xin được vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên xét xử. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Anh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nghĩa H đều đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bà Lê Thị Nghĩa H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về hợp đồng tín dụng

- Ngày 07/07/2011, ông T và Ngân hàng N ký kết Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD. Hợp đồng tín dụng được ký kết tự nguyện, các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự; mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 xác định hợp đồng là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

- Về tiền lãi: Theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV - 201100211/HĐTD ngày 7/7/2011 lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 22%/năm. Xét việc thỏa thuận về tính lãi trong hạn và quá hạn của các bên trong hợp đồng tín dụng là không vi phạm quy định của pháp luật và các bên có nghĩa vụ thực hiện. Tuy nhiên, Ngân hàng N chỉ yêu cầu ông T thanh toán số tiền lãi trong hạn từ ngày 07/07/2011 đến 08/2012 cụ thể là: 665.424.458 đồng và Ngân hàng đòi thêm tiền lãi phát sinh sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi Ông T tắt toán khoản vay. Xét đề nghị của Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật cũng như những thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã thực hiện giải ngân đủ số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông Hoàng Anh T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, thông báo nợ quá hạn, giấy báo nợ quá hạn, nhưng Ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Ông Hoàng Anh T đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD.

- Thời điểm ký Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD, ông Hoàng Anh T và bà Lê Thị Nghĩa H là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Để đảm bảo quyền và lợi

ích hợp pháp của ông T cũng như của Ngân hàng, căn cứ căn cứ theo quy định tại Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự và Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD lẽ ra cần buộc ông T và bà H phải cùng có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng N.

Tuy nhiên bản thân ông T xác định ông ký hợp đồng tín dụng thì ông tự chịu trách nhiệm thanh toán, bà H không liên quan đến số tiền nợ này. Yêu cầu trên của ông T được Ngân hàng N chấp nhận nên không buộc bà H cùng chịu số nợ mà ông T đã vay đối với hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD

[4] Về yêu cầu của Ngân hàng đối với việc xử lý tài sản bảo đảm, nhận thấy: Ngày 25/10/2019, Ngân hàng N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là Toàn bộ quyền sử dụng diện tích 163,06 m² văn phòng tại tầng A thuộc dự án tòa nhà văn phòng A tại địa chỉ: Lô đất HH3 – 2 khu đô thị M, phường M, quận N, Hà Nội. Xét thấy, việc rút yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút của Ngân hàng N đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Ông Hoàng Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Ngân hàng N không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 171, 227, 244 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ điều 290, 471, 474, 476, 715, 716, 717 Bộ luật dân sự 2005.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Hoàng Anh T về việc yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV-201100211/HĐTD ngày 7/7/2011 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông Hoàng Anh T.

2/ Buộc ông Hoàng Anh T phải thanh toán trả cho Ngân hàng N tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 4.665.424.658 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 665.424.458 đồng

Buộc ông Hoàng Anh T tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Thời hạn tính lãi bắt đầu từ ngày 30/11/2019

4. Về án phí: ông Hoàng Anh T phải chịu 118.665.424 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 56.330.000 (Năm mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí cho Ngân hàng N theo biên lai thu số 6594 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và Công ty cổ phần tòa nhà C, họ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà H) vắng mặt họ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của họ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lương